

**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH HẠN MỨC ĐẤT Ở, CÔNG NHẬN ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

| STT      | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|----------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|          |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| <b>I</b> | <b>TỈNH BÌNH ĐỊNH TRƯỚC ĐÂY</b>          |                                       |                                                   |                                |                                |                                     |                                     |
| 1        | Phường Quy Nhơn                          | Phường Hải Cảng                       | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             | 80                             | 150                                 | 150                                 |
|          |                                          | Phường Thị Nại                        | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
|          |                                          | Phường Trần Phú                       | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
|          |                                          | Phường Đồng Đa                        | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
| 2        | Phường Quy Nhơn Đông                     | Xã Nhơn Hội                           | Thành phố Quy Nhơn                                | 200                            | 180                            | 250                                 | 220                                 |
|          |                                          | Xã Nhơn Lý                            | Thành phố Quy Nhơn                                | 200                            |                                | 250                                 |                                     |
|          |                                          | Xã Nhơn Hải                           | Thành phố Quy Nhơn                                | 200                            |                                | 250                                 |                                     |
|          |                                          | Phường Nhơn Bình                      | Thành phố Quy Nhơn                                | 140                            |                                | 150                                 |                                     |
| 3        | Phường Quy Nhơn Tây                      | Phường Bùi Thị Xuân                   | Thành phố Quy Nhơn                                | 140                            | 170                            | 150                                 | 200                                 |
|          |                                          | Xã Phước Mỹ                           | Thành phố Quy Nhơn                                | 200                            |                                | 250                                 |                                     |
| 4        | Phường Quy Nhơn Nam                      | Phường Ngô Mây                        | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             | 80                             | 150                                 | 150                                 |
|          |                                          | Phường Nguyễn Văn Cừ                  | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
|          |                                          | Phường Quang Trung                    | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
|          |                                          | Phường Ghềnh Ráng                     | Thành phố Quy Nhơn                                | 80                             |                                | 150                                 |                                     |
| 5        | Phường Quy Nhơn Bắc                      | Phường Trần Quang Diệu                | Thành phố Quy Nhơn                                | 140                            | 140                            | 150                                 | 150                                 |
|          |                                          | Phường Nhơn Phú                       | Thành phố Quy Nhơn                                | 140                            |                                | 150                                 |                                     |
| 6        | Xã Nhơn Châu                             | Xã Nhơn Châu                          | Thành phố Quy Nhơn                                | 200                            | 200                            | 250                                 | 250                                 |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 7   | Phường Bình Định                         | Phường Bình Định                      | Thị xã An Nhơn                                    | 140                            | 250                            | 250                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn Khánh                         | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Nhơn Phúc                          | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 8   | Phường An Nhơn                           | Phường Đập Đá                         | Thị xã An Nhơn                                    | 140                            | 250                            | 250                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn Mỹ                            | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Nhơn Hậu                           | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 9   | Phường An Nhơn Đông                      | Phường Nhơn Hưng                      | Thị xã An Nhơn                                    | 200                            | 250                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn An                            | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 10  | Phường An Nhơn Nam                       | Phường Nhơn Hòa                       | Thị xã An Nhơn                                    | 200                            | 250                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn Thọ                           | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 11  | Phường An Nhơn Bắc                       | Phường Nhơn Thành                     | Thị xã An Nhơn                                    | 200                            | 250                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn Phong                         | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Nhơn Hạnh                          | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 12  | Xã An Nhơn Tây                           | Xã Nhơn Lộc                           | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Nhơn Tân                           | Thị xã An Nhơn                                    | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 13  | Phường Bồng Sơn                          | Phường Bồng Sơn                       | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 140                            | 170                            | 250                                 | 300                                 |
|     |                                          | Phường Hoài Đức                       | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
| 14  | Phường Hoài Nhơn                         | Phường Hoài Thanh                     | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            | 200                            | 300                                 | 300                                 |
|     |                                          | Phường Tam Quan Nam                   | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Phường Hoài Thanh Tây                 | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
| 15  | Phường Tam Quan                          | Phường Tam Quan                       | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 140                            | 250                            | 250                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Hoài Châu                          | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 300                            |                                | 500                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 16  | Phường Hoài Nhơn Đông                    | Phường Hoài Hương                     | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            | 250                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Hoài Hải                           | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Hoài Mỹ                            | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 17  | Phường Hoài Nhơn Tây                     | Phường Hoài Hảo                       | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            | 250                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Hoài Phú                           | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 18  | Phường Hoài Nhơn Nam                     | Phường Hoài Tân                       | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            | 200                            | 300                                 | 300                                 |
|     |                                          | Phường Hoài Xuân                      | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
| 19  | Phường Hoài Nhơn Bắc                     | Phường Tam Quan Bắc                   | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 200                            | 300                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Hoài Sơn                           | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Hoài Châu Bắc                      | Thị xã Hoài Nhơn                                  | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 20  | Xã Phù Cát                               | Thị trấn Ngô Mây                      | Huyện Phù Cát                                     | 140                            | 300                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Cát Trinh                          | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Cát Tân                            | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 21  | Xã Xuân An                               | Xã Cát Nhơn                           | Huyện Phù Cát                                     | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Cát Tường                          | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 22  | Xã Ngô Mây                               | Xã Cát Hưng                           | Huyện Phù Cát                                     | 400                            | 300                            | 600                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Cát Thắng                          | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Cát Chánh                          | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 23  | Xã Cát Tiến                              | Thị trấn Cát Tiến                     | Huyện Phù Cát                                     | 140                            | 300                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Cát Thành                          | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Cát Hải                            | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 24  | Xã Đề Gi                                 | Thị trấn Cát Khánh                    | Huyện Phù Cát                                     | 140                            | 300                            | 300                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Cát Minh                           | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
|     |                                          | Xã Cát Tài                            | Huyện Phù Cát                                     | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 25  | Xã Hòa Hội                               | Xã Cát Hanh                           | Huyện Phù Cát                                     | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Cát Hiệp                           | Huyện Phù Cát                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 26  | Xã Hội Sơn                               | Xã Cát Lâm                            | Huyện Phù Cát                                     | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Cát Sơn                            | Huyện Phù Cát                                     | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 27  | Xã Phù Mỹ                                | Thị trấn Phù Mỹ                       | Huyện Phù Mỹ                                      | 140                            | 300                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Quang                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Mỹ Chánh Tây                       | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 28  | Xã An Lương                              | Xã Mỹ Chánh                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Thành                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Mỹ Cát                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 29  | Xã Bình Dương                            | Xã Mỹ Lợi                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Phong                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Thị trấn Bình Dương                   | Huyện Phù Mỹ                                      | 140                            |                                | 300                                 |                                     |
| 30  | Xã Phù Mỹ Đông                           | Xã Mỹ An                              | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Thọ                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Mỹ Thắng                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 31  | Xã Phù Mỹ Tây                            | Xã Mỹ Trinh                           | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Hòa                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 32  | Xã Phù Mỹ Nam                            | Xã Mỹ Tài                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Hiệp                            | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 33  | Xã Phù Mỹ Bắc                            | Xã Mỹ Đức                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Mỹ Châu                            | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Mỹ Lộc                             | Huyện Phù Mỹ                                      | 300                            |                                | 500                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 34  | Xã Tuy Phước                             | Thị trấn Tuy Phước                    | Huyện Tuy Phước                                   | 140                            | 200                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Thị trấn Diêu Trì                     | Huyện Tuy Phước                                   | 140                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Phước Thuận                        | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Phước Nghĩa                        | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Phước Lộc                          | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 35  | Xã Tuy Phước Đông                        | Xã Phước Sơn                          | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Phước Hòa                          | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Phước Thắng                        | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 36  | Xã Tuy Phước Tây                         | Xã Phước An                           | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Phước Thành                        | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 37  | Xã Tuy Phước Bắc                         | Xã Phước Hiệp                         | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Phước Hưng                         | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Phước Quang                        | Huyện Tuy Phước                                   | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 38  | Xã Tây Sơn                               | Thị trấn Phú Phong                    | Huyện Tây Sơn                                     | 140                            | 200                            | 140                                 | 250                                 |
|     |                                          | Xã Tây Xuân                           | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Bình Nghi                          | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
| 39  | Xã Bình Khê                              | Xã Tây Giang                          | Huyện Tây Sơn                                     | 400                            | 400                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Tây Thuận                          | Huyện Tây Sơn                                     | 400                            |                                | 500                                 |                                     |
| 40  | Xã Bình Phú                              | Xã Vĩnh An                            | Huyện Tây Sơn                                     | 500                            | 500                            | 500                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Bình Tường                         | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Tây Phú                            | Huyện Tây Sơn                                     | 400                            |                                | 500                                 |                                     |
| 41  | Xã Bình Hiệp                             | Xã Bình Thuận                         | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            | 300                            | 300                                 | 400                                 |
|     |                                          | Xã Bình Tân                           | Huyện Tây Sơn                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Tây An                             | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 42  | Xã Bình An                               | Xã Tây Vinh                           | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            | 200                            | 300                                 | 300                                 |
|     |                                          | Xã Tây Bình                           | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Bình Hòa                           | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Bình Thành                         | Huyện Tây Sơn                                     | 200                            |                                | 300                                 |                                     |
| 43  | Xã Hoài Ân                               | Thị trấn Tăng Bạt Hổ                  | Huyện Hoài Ân                                     | 140                            | 300                            | 300                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Ân Phong                           | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ân Đức                             | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ân Tường Đông                      | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 44  | Xã Ân Tường                              | Xã Ân Tường Tây                       | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            | 400                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Ân Hữu                             | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đak Mang                           | Huyện Hoài Ân                                     | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 45  | Xã Kim Sơn                               | Xã Ân Nghĩa                           | Huyện Hoài Ân                                     | 400                            | 400                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Bok Tới                            | Huyện Hoài Ân                                     | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 46  | Xã Vạn Đức                               | Xã Ân Sơn                             | Huyện Hoài Ân                                     | 400                            | 400                            | 600                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Ân Tín                             | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ân Thạnh                           | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 47  | Xã Ân Hảo                                | Xã Ân Hảo Tây                         | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            | 300                            | 500                                 | 500                                 |
|     |                                          | Xã Ân Hảo Đông                        | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ân Mỹ                              | Huyện Hoài Ân                                     | 300                            |                                | 500                                 |                                     |
| 48  | Xã Vân Canh                              | Xã Canh Thuận                         | Huyện Vân Canh                                    | 400                            | 350                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Canh Hòa                           | Huyện Vân Canh                                    | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Thị trấn Vân Canh                     | Huyện Vân Canh                                    | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Làng Canh Giao (xã<br>Canh Hiệp)      |                                                   | 400                            |                                | 600                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 49  | Xã Canh Vinh                             | Xã Canh Vinh                          | Huyện Vân Canh                                    | 400                            | 400                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Canh Hiền                          | Huyện Vân Canh                                    | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Canh Hiệp (phần<br>còn lại)        | Huyện Vân Canh                                    | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Làng Canh Tiến (xã<br>Canh Liên)      | Huyện Vân Canh                                    | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 50  | Xã Canh Liên                             | Xã Canh Liên (phần<br>còn lại)        | Huyện Vân Canh                                    | 500                            | 500                            | 800                                 | 800                                 |
| 51  | Xã Vĩnh Thạnh                            | Thị trấn Vĩnh Thạnh                   | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 200                            | 300                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Vĩnh Hào                           | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 52  | Xã Vĩnh Thịnh                            | Xã Vĩnh Hiệp                          | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            | 400                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Vĩnh Thịnh                         | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 53  | Xã Vĩnh Quang                            | Xã Vĩnh Thuận                         | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            | 400                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Vĩnh Hòa                           | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Vĩnh Quang                         | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 54  | Xã Vĩnh Sơn                              | Xã Vĩnh Kim                           | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            | 400                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Xã Vĩnh Sơn                           | Huyện Vĩnh Thạnh                                  | 400                            |                                | 600                                 |                                     |
| 55  | Xã An Hòa                                | Xã An Hòa                             | Huyện An Lão                                      | 400                            | 500                            | 600                                 | 700                                 |
|     |                                          | Xã An Quang                           | Huyện An Lão                                      | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã An Nghĩa (điều<br>chỉnh diện tích) |                                                   | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
| 56  | Xã An Lão                                | Xã An Tân                             | Huyện An Lão                                      | 400                            | 400                            | 600                                 | 700                                 |
|     |                                          | Xã An Hưng                            | Huyện An Lão                                      | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Thị trấn An Lão                       | Huyện An Lão                                      | 200                            |                                | 600                                 |                                     |

| STT       | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|           |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 57        | Xã An Vinh                               | Xã An Trung                           | Huyện An Lão                                      | 400                            | 500                            | 600                                 | 700                                 |
|           |                                          | Xã An Dũng                            | Huyện An Lão                                      | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
|           |                                          | Xã An Vinh                            | Huyện An Lão                                      | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
| 58        | Xã An Toàn                               | Xã An Toàn                            | Huyện An Lão                                      | 500                            | 500                            | 800                                 | 800                                 |
|           |                                          | Xã An Nghĩa (phần<br>còn lại)         | Huyện An Lão                                      | 500                            |                                | 800                                 |                                     |
| <b>II</b> | <b>TỈNH GIA LAI TRƯỚC ĐÂY</b>            |                                       |                                                   |                                |                                |                                     |                                     |
| 1         | Phường Pleiku                            | Phường Tây Sơn                        | Thành phố Pleiku                                  | 150                            | 180                            | 450                                 | 500                                 |
|           |                                          | Phường Hội Thương                     | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Phường Hoa Lư                         | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Phường Phù Đồng                       | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Xã Trà Đa                             | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |
| 2         | Phường Hội Phú                           | Phường Trà Bá                         | Thành phố Pleiku                                  | 150                            | 150                            | 450                                 | 450                                 |
|           |                                          | Phường Chi Lăng                       | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Phường Hội Phú                        | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
| 3         | Phường Thống Nhất                        | Phường Yên Thế                        | Thành phố Pleiku                                  | 150                            | 150                            | 450                                 | 450                                 |
|           |                                          | Phường Đồng Đa                        | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Phường Thống Nhất                     | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
| 4         | Phường Diên Hồng                         | Phường Yên Đỗ                         | Thành phố Pleiku                                  | 150                            | 180                            | 450                                 | 500                                 |
|           |                                          | Phường Diên Hồng                      | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Phường Ia Kring                       | Thành phố Pleiku                                  | 150                            |                                | 450                                 |                                     |
|           |                                          | Xã Diên Phú                           | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |
| 5         | Phường An Phú                            | Phường Thắng Lợi                      | Thành phố Pleiku                                  | 150                            | 250                            | 450                                 | 400                                 |
|           |                                          | Xã Chư Á                              | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
|     |                                          | Xã An Phú                             | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |
| 6   | Xã Biển Hồ                               | Xã Nghĩa Hưng                         | Huyện Chư Păh                                     | 400                            | 350                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Chư Đang Ya                        | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Hà Bầu                             | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Biển Hồ                            | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Kênh                            | Thành phố Pleiku                                  | 300                            |                                | 800                                 |                                     |
| 7   | Xã Gào                                   | Xã Gào                                | Thành phố Pleiku                                  | 300                            | 350                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Pêch                            | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Thị trấn Ia Ly                        | Huyện Chư Păh                                     | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 8   | Xã Ia Ly                                 | Xã Ia Mơ Nông                         | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Krengh                          | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 9   | Xã Chư Păh                               | Thị trấn Phú Hòa                      | Huyện Chư Păh                                     | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Nghĩa Hòa                          | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Hòa Phú                            | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 10  | Xã Ia Khuơl                              | Xã Hà Tây                             | Huyện Chư Păh                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Khuơl                           | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đăk Tơ Ver                         | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 11  | Xã Ia Phí                                | Xã Ia Ka                              | Huyện Chư Păh                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Phí                             | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Nhin                            | Huyện Chư Păh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 12  | Xã Chư Prông                             | Thị trấn Chư Prông                    | Huyện Chư Prông                                   | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Phin                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Kly                             | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Drang                           | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 13  | Xã Bàu Cạn                               | Xã Thăng Hưng                         | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Bàu Cạn                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Bình Giáo                          | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 14  | Xã Ia Boòng                              | Xã Ia Boòng                           | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Me                              | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia O                               | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 15  | Xã Ia Lâu                                | Xã Ia Pior                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Lâu                             | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 16  | Xã Ia Pia                                | Xã Ia Pia                             | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Ga                              | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Vê                              | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 17  | Xã Ia Tôr                                | Xã Ia Băng                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Tôr                             | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Bang                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 18  | Xã Chư Sê                                | Thị trấn Chư Sê                       | Huyện Chư Sê                                      | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Dun                                | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Blang                           | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Pal                             | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Glai                            | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 19  | Xã Bờ Ngoong                             | Xã Bar Măih                           | Huyện Chư Sê                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Bờ Ngoong                          | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Tiêm                            | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Chư Pong                           | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Hlốp                            | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 20  | Xã Ia Ko                                 | Xã Ia Ko                              | Huyện Chư Sê                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Hla                             | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 21  | Xã Al Bá                                 | Xã Kông Htok                          | Huyện Chư Sê                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ayun                               | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Al Bá                              | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 22  | Xã Chư Puh                               | Thị trấn Nhon Hòa                     | Huyện Chư Puh                                     | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Phang                           | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Chư Don                            | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 23  | Xã Ia Le                                 | Xã Ia Le                              | Huyện Chư Puh                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia BLứ                             | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 24  | Xã Ia Hrú                                | Xã Ia Dreng                           | Huyện Chư Puh                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Hrú                             | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Rong                            | Huyện Chư Puh                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã HBông                              | Huyện Chư Sê                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 25  | Phường An Khê                            | Phường Tây Sơn                        | Thị xã An Khê                                     | 200                            | 200                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Phường An Phú                         | Thị xã An Khê                                     | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Phường Ngô Mây                        | Thị xã An Khê                                     | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Phường An Phước                       | Thị xã An Khê                                     | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Phường An Tân                         | Thị xã An Khê                                     | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Thành An                           | Thị xã An Khê                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 26  | Phường An Bình                           | Phường An Bình                        | Thị xã An Khê                                     | 200                            | 300                            | 600                                 | 700                                 |
|     |                                          | Xã Tân An                             | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Cư An                              | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Tú An                              | Thị xã An Khê                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 27  | Xã Cửu An                                | Xã Xuân An                            | Thị xã An Khê                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Cửu An                             | Thị xã An Khê                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Song An                            | Thị xã An Khê                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 28  | Xã Đak Pơ                                | Thị trấn Đak Pơ                       | Huyện Đak Pơ                                      | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Hà Tam                             | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã An Thành                           | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Yang Bắc                           | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 29  | Xã Ya Hội                                | Xã Phú An                             | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ya Hội                             | Huyện Đak Pơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 30  | Xã Kbang                                 | Thị trấn Kbang                        | Huyện KBang                                       | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Lơ Ku                              | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đak Smar                           | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 31  | Xã Kông Bơ La                            | Xã Kông Bơ La                         | Huyện KBang                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Đông                               | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Nghĩa An                           | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 32  | Xã Tơ Tung                               | Xã Kông Long Khơng                    | Huyện KBang                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Tơ Tung                            | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 33  | Xã Sơn Lang                              | Xã Sơn Lang                           | Huyện KBang                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Sơ Pải                             | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 34  | Xã Đak Rong                              | Xã Kon Pnê                            | Huyện KBang                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Đak Rong                           | Huyện KBang                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 35  | Xã Kông Chro                             | Thị trấn Kông Chro                    | Huyện Kông Chro                                   | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Yang Trung                         | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Yang Nam                           | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 36  | Xã Ya Ma                                 | Xã Đăk Tơ Pang                        | Huyện Kông Chro                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Kông Yang                          | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ya Ma                              | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 37  | Xã Chư Krey                              | Xã Chư Krey                           | Huyện Kông Chro                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã An Trung                           | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 38  | Xã SRó                                   | Xã Đăk Kơ Ning                        | Huyện Kông Chro                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã SRó                                | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 39  | Xã Đăk Song                              | Xã Đăk Song                           | Huyện Kông Chro                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Đăk Pling                          | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 40  | Xã Chơ Long                              | Xã Đăk Pơ Pho                         | Huyện Kông Chro                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Chơ GLong                          | Huyện Kông Chro                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 41  | Phường Ayun Pa                           | Phường Đoàn Kết                       | Thị xã Ayun Pa                                    | 200                            | 200                            | 600                                 | 600                                 |
|     |                                          | Phường Sông Bờ                        | Thị xã Ayun Pa                                    | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Phường Cheo Reo                       | Thị xã Ayun Pa                                    | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
|     |                                          | Phường Hòa Bình                       | Thị xã Ayun Pa                                    | 200                            |                                | 600                                 |                                     |
| 42  | Xã Ia Rbol                               | Xã Ia Rbol                            | Thị xã Ayun Pa                                    | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Chư Băh                            | Thị xã Ayun Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 43  | Xã Ia Sao                                | Xã Ia Rtô                             | Thị xã Ayun Pa                                    | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Sao                             | Thị xã Ayun Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 44  | Xã Phú Thiện                             | Thị trấn Phú Thiện                    | Huyện Phú Thiện                                   | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Sol                             | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Piar                            | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Yeng                            | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia AKe                             | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 45  | Xã Chư A Thai                            | Xã Chư A Thai                         | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ayun Hạ                            | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 46  | Xã Ia Hiao                               | Xã Chrôh Ponan                        | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Hiao                            | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Peng                            | Huyện Phú Thiện                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 47  | Xã Pờ Tó                                 | Xã Chư Răng                           | Huyện Ia Pa                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Pờ Tó                              | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 48  | Xã Ia Pa                                 | Xã Ia Mron                            | Huyện Ia Pa                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Kim Tân                            | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Trôk                            | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 49  | Xã Ia Tul                                | Xã Chư Mố                             | Huyện Ia Pa                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Tul                             | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Broãi                           | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Kdăm                            | Huyện Ia Pa                                       | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 50  | Xã Phú Túc                               | Thị trấn Phú Túc                      | Huyện Krông Pa                                    | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Phú Cần                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Chư Ngọc                           | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Mlah                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đất Bằng                           | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 51  | Xã Ia Dreh                               | Xã Ia Rmok                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Dreh                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Krông Năng                         | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 52  | Xã Ia Rsai                               | Xã Chư RCăm                           | Huyện Krông Pa                                    | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Rsai                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
|     |                                          | Xã Chư Gu                             | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 53  | Xã Uar                                   | Xã Uar                                | Huyện Krông Pa                                    | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Rsum                            | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Chư Drăng                          | Huyện Krông Pa                                    | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          |                                       |                                                   |                                |                                |                                     |                                     |
| 54  | Xã Đak Đoa                               | Thị trấn Đak Đoa                      | Huyện Đak Đoa                                     | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Tân Bình                           | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Glar                               | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 55  | Xã Kon Gang                              | Xã Kon Gang                           | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Đak Krong                          | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã HNeng                              | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Nam Yang                           | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 56  | Xã Ia Băng                               | Xã A Dok                              | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Pét                             | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Băng                            | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 57  | Xã KDang                                 | Xã Hnol                               | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Trang                              | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã KDang                              | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 58  | Xã Đak Somei                             | Xã Đak Somei                          | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Hà Đông                            | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 59  | Xã Mang Yang                             | Thị trấn Kon Dong                     | Huyện Mang Yang                                   | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Hải Yang                           | Huyện Đak Đoa                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đak Yă                             | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Đak Djrăng                         | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Lơ Pang                            | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
| 60  | Xã Lơ Pang                               | Xã Êê Ar                              | Huyện Mang Yang                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Kon Thụp                           | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 61  | Xã Kon Chiêng                            | Xã Đak Trôi                           | Huyện Mang Yang                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Kon Chiêng                         | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 62  | Xã Hra                                   | Xã Đak Ta Ley                         | Huyện Mang Yang                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Hra                                | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 63  | Xã Ayun                                  | Xã Ayun                               | Huyện Mang Yang                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Đak Jơ Ta                          | Huyện Mang Yang                                   | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 64  | Xã Ia Grai                               | Thị trấn Ia Kha                       | Huyện Ia Grai                                     | 300                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Grăng                           | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Bă                              | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 65  | Xã Ia Krái                               | Xã Ia Tô                              | Huyện Ia Grai                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Krái                            | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Khai                            | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 66  | Xã Ia Hrug                               | Xã Ia Sao                             | Huyện Ia Grai                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Yok                             | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Hrug                            | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
|     |                                          | Xã Ia Dêr                             | Huyện Ia Grai                                     | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 67  | Xã Đức Cơ                                | Thị trấn Chư Ty                       | Huyện Đức Cơ                                      | 300                            | 350                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Kriêng                          | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 68  | Xã Ia Dơk                                | Xã Ia Dơk                             | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Kla                             | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 69  | Xã Ia Krêl                               | Xã Ia Lang                            | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
|     |                                          | Xã Ia Krêl                            | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ<br>HÀNH CHÍNH CẤP XÃ<br>(MỚI) | PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP                     |                                                   | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>GIAO ĐẤT Ở |                                | QUY ĐỊNH HẠN MỨC<br>CÔNG NHẬN ĐẤT Ở |                                     |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                          | Đơn vị hành chính<br>cấp xã trước đây | Thuộc đơn vị<br>hành chính cấp huyện<br>trước đây | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức<br>giao đất ở<br>(mới) | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(cũ)  | Hạn mức công<br>nhận đất ở<br>(mới) |
|     |                                          | Xã Ia Din                             | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            |                                | 800                                 |                                     |
| 70  | Xã Ia Púch                               | Xã Ia Púch                            | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 71  | Xã Ia Mơ                                 | Xã Ia Mơ                              | Huyện Chư Prông                                   | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 72  | Xã Ia Pnôn                               | Xã Ia Pnôn                            | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 73  | Xã Ia Nan                                | Xã Ia Nan                             | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 74  | Xã Ia Dom                                | Xã Ia Dom                             | Huyện Đức Cơ                                      | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 75  | Xã Ia Chia                               | Xã Ia Chia                            | Huyện Ia Grai                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 76  | Xã Ia O                                  | Xã Ia O                               | Huyện Ia Grai                                     | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |
| 77  | Xã Krong                                 | Xã Krong                              | Huyện KBang                                       | 400                            | 400                            | 800                                 | 800                                 |